

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HSST
Ngày: 04/5/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Trung Kiên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thùy**

2. Bà **Ngô Thị Luân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Cương** – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Hùng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2021/HSST ngày 14 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Bá A** – Tên gọi khác: N; sinh năm: 2000; tại: Lâm Đồng; hộ khẩu thường trú: thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở: thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Lâm Đồng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: không; con ông Võ Văn B và bà Nguyễn Thị Thu C; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2021 cho đến nay; hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Lâm Hà. *Có mặt*

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1989. *Vắng mặt*

Trú tại: thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn A, sinh năm: 1963. *Có mặt*

Trú tại: thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Lâm Đồng.

+ Anh Phạm Đình N, sinh năm: 1994. *Vắng mặt*

Trú tại: thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Lâm Đồng.

+ Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm: 1987. *Vắng mặt*

Trú tại: thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lâm Đồng.

+ Anh Bùi Xuân T, sinh năm: 1995. *Vắng mặt*

Trú tại: thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Lâm Đồng.

+ Anh Nguyễn Khắc T, sinh năm: 1985. *Vắng mặt*

Trú tại: thôn M, xã T, huyện H, tỉnh Lâm Đồng.

+ Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1998. *Vắng mặt*

Trú tại: thôn H, xã L, huyện H, tỉnh Lâm Đồng.

+ Bà Lương Thị Thùy T, sinh năm: 1966. *Vắng mặt*

Trú tại: tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện H, Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 09/03/2020, ông Nguyễn Văn A, sinh năm: 1963, hộ khẩu thường trú: thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Lâm Đồng là chủ sở hữu của xe mô tô BKS: 49D1-08022 giao chiếc xe này cho con trai là Nguyễn Văn D để đi làm vườn. Khoảng 13 giờ cùng ngày, Võ Bá A có đến gặp D để mượn chiếc xe mô tô BKS: 49D1-08022 để sử dụng vào mục đích đi lại. Vì là hàng xóm chơi với nhau, đồng thời trước đó A có nhiều lần mượn chiếc xe máy này để đi lại và sau khi sử dụng xong đều trả lại nên D đã tin tưởng và đồng ý giao xe cho A.

Sau khi mượn được xe mô tô, A điều khiển xe đến xã Tân Hà, huyện Lâm Hà để mua thuốc trị hen suyễn nhưng sau khi mua xong thì không mang xe về trả cho D mà tiếp tục đi chơi ở khu vực xã Tân Hà. Trưa ngày 11/03/2020, A điều khiển xe mô tô BKS: 49D1-08022 đến nhà của Phạm Đình N, sinh năm: 1994, hộ khẩu thường trú: thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Lâm Đồng để chơi. N đang ở nhà cùng người yêu là Phạm Thị T, sinh năm: 1998, hộ khẩu thường trú: thôn H, xã L, huyện H, tỉnh Lâm Đồng. Tại đây, A đã nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô BKS: 49D1-08022 để lấy tiền tiêu sài cá nhân nên đã nhờ N tìm chỗ để cầm cố chiếc xe mô tô BKS: 49D1-08022. Nam có hỏi A là “xe của ai, có giấy tờ gì không” thì A nói là “xe mượn của ông bác, không có giấy tờ”. Do là trước đó N đã thấy A sử dụng chiếc xe mô tô BKS: 49D1-08022 nhiều lần nên nghĩ là xe của A và không hỏi gì thêm. Sau đó N gọi điện cho Nguyễn Ngọc D, sinh năm: 1987, hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lâm Đồng nhờ D tìm chỗ cầm cố xe cho A, N nói với D nguồn gốc chiếc xe là “xe của thằng F”. Sau đó, N, A, T đến nhà nghỉ H thuộc thôn Liên Trung, xã Tân Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng gặp D vì D đang ở đây. A dựng xe mô tô BKS: 49D1-08022 ở sân nhà nghỉ và vào gặp D.

D được N nhờ nên đã gọi điện cho Nguyễn Khắc T, sinh năm: 1985, hộ khẩu thường trú: thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Lâm Đồng (chủ tiệm sửa xe V) nói là có thằng em muốn cầm xe, xe không giấy tờ, nhờ V cầm giúp, có gì thì D chịu trách nhiệm. Do V và D quen biết nhau nên V đã đồng ý và thỏa thuận với số tiền là 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng)

Sau đó, N gọi điện cho Bùi Xuân T, sinh năm: 1995, hộ khẩu thường trú: thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Lâm Đồng (tên thường gọi là B) nói T đến nhà nghỉ H thuộc thôn Liên Trung, xã Tân Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng để nhờ T mang chiếc mô tô mà A nhờ cầm cố đến tiệm V (T kêu không thấy N nói là xe của ai, không nói là xe đem đi cầm cố hay đi bán và T cũng không hỏi). Vì là bạn với N nên T đồng ý giúp đỡ. T mang xe mô tô BKS: 49D1-08022 đến tiệm của Nguyễn Khắc T, nhận 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) của T rồi quay lại nhà nghỉ H đưa toàn bộ số tiền này cho N. Lúc này, D có hỏi N là dùng hết bao nhiêu tiền trong số 2.700.000đ, cho D mượn 700.000đ mai gửi lại sau. N hỏi A thì A

đồng ý nên Nam đưa 700.000đ cho Thành nhờ T đi gửi vào tài khoản ngân hàng BIDV của N để N chuyển cho D. Sau khi Thành gửi tiền xong thì về nhà, N gửi cho D 700.000đ qua ứng dụng ViettelPay. N đưa số tiền còn lại là 2.000.000đ cho A. A tự ý cho N 300.000đ để cảm ơn (không có hứa hẹn trước), N dùng 300.000đ vào mục đích tiêu sài cá nhân, A cũng dùng 1.700.000đ vào mục đích tiêu sài cá nhân.

Khoảng 16 giờ ngày 12/3/2020, A đến nhà N, tại đây có cả T và T. Lúc này, A mới nói cho N biết là muốn chuộc xe để trả lại cho chủ của A. Do A không có tiền chuộc xe nên N cho A mượn 700.000đ. N có gọi điện cho D, nói D trả lại số tiền 700.000đ cho A để A đi chuộc lại xe máy nhưng D nói cứ đem 2.100.000đ đến chỗ của Nguyễn Khắc T lấy xe về và D sẽ đưa cho T 700.000đ sau. Sau đó, T chở T mang 700.000đ tới chỗ T để chuộc xe lại cho A nhưng không đủ tiền (chỉ có 700.000đ) nên T không đồng ý. Vì vậy, Thành ra về đưa lại 700.000đ cho N, chiếc mô tô BKS: 49D1-08022 vẫn ở tại tiệm của Nguyễn Khắc T. Sau đó, A bỏ đi khỏi địa phương, cố ý không trả lại xe cho anh D và không thông báo cho anh D về việc đã cầm cố xe.

Ngày 14/3/2020, sau khi anh Nguyễn Văn D trình báo sự việc, Công an xã Đan Phượng đã tiến hành rà soát và phát hiện chiếc xe mô tô BKS: 49D1-08022 tại tiệm sửa xe của Nguyễn Khắc T và đã tạm giữ chiếc xe này.

Ngày 01/4/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lâm Hà kết luận chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Wave KRSM. BKS 49D1 – 08022 đã bị chiếm đoạt có tổng giá trị tài sản định giá là **7.245.000đ** (bảy triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Vật chứng vụ án: đối với chiếc xe BKS: 49D1-08022, nhãn hiệu Honda, loại Wave KRSM, màu xanh, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn A.

Về trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Khắc T không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 14/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà truy tố bị cáo Võ Bá A về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, không thắc mắc hay khiếu nại gì về bản cáo trạng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn A xác định đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì thêm. Đồng thời ông A đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Võ Bá A về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Bá A từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/01/2021.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Do anh Nguyễn Khắc T là người nhận cầm cố chiếc xe không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền cầm cố chiếc xe là 2.700.000 đồng nên đề nghị hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng là chiếc xe đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp không ai khiếu nại gì nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lâm Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 09/3/2020, sau khi mượn được xe mô tô hiệu Wave KRSM. BKS 49D1 – 08022 có giá trị là **7.245.000đ** (bảy triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) do anh D quản lý để đi việc cá nhân, Võ Bá A đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản và mang xe mô tô đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Sau đó bỏ trốn với mục đích chiếm đoạt tài sản của anh D. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn A là chủ sở hữu chiếc xe bị cáo đã chiếm đoạt xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Đối với Phạm Đình N, Nguyễn Ngọc D, Bùi Xuân T, Nguyễn Khắc T. Quá trình điều tra không đủ căn cứ để xác định N, D, T, T biết chiếc xe mô tô Võ Bá A cầm cố là do phạm tội mà có. Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với N, D, T, T. Do vậy, hội đồng xét xử không đề cập.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Nguyễn Văn A, ông A không có yêu cầu gì. Anh Nguyễn Khắc T là người bỏ ra số tiền 2.700.000 đồng để cầm cố chiếc xe nhưng quá trình điều tra anh T không có yêu cầu gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] *Về xử lý vật chứng*: Vật chứng thu giữ là chiếc xe BKS: 49D1-08022, nhãn hiệu Honda, loại Wave KRSM, màu xanh. Quá trình điều tra xác định ông Nguyễn Văn A là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe nên cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông A chiếc xe trên, ông A xác định đã nhận lại xe. Đồng thời, không ai có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì nên không đề cập.

[10] *Về án phí*:

Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Võ Bá A phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Võ Bá A 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 01 năm 2021.

3. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn A có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/5/2021). Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKS, CA huyện Lâm Hà;
- Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà;
- Bị cáo; Bị hại; các đương sự;
- Lưu HS - BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trung Kiên